

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 29/2023/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 29 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định danh mục tài sản cố định đặc thù
và quy định danh mục, thời gian sử dụng, tỷ lệ hao mòn
tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi địa phương quản lý**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 106/TTr-STC ngày 08/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quyết định này quy định danh mục tài sản cố định đặc thù và quy định danh mục, thời gian tính hao mòn, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình (trừ thương hiệu của đơn vị sự nghiệp công lập) tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định vô hình do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý tỉnh Bắc Ninh



theo quy định tại Điểm c, khoản 1 Điều 4 và khoản 2 Điều 13 Thông tư số 23/2023/TT-BTC.

2. Đối tượng áp dụng: Quyết định này áp dụng đối với:

a) Cơ quan, tổ chức, đơn vị gồm: Cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội được giao quản lý tài sản.

b) Doanh nghiệp được giao quản lý tài sản không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

c) Khuyến khích các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội áp dụng các quy định tại quyết định này để quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định vô hình.

Điều 2. Ban hành quy định danh mục tài sản cố định đặc thù và quy định danh mục, thời gian tính hao mòn, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình theo quy định tại Thông tư số 23/2023/TT-BTC như sau:

1. Quy định danh mục tài sản cố định đặc thù (Chi tiết theo Phụ lục 01 đính kèm)

2. Quy định danh mục, thời gian tính hao mòn, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình trừ thương hiệu của đơn vị sự nghiệp công lập.

(Chi tiết theo Phụ lục 02 đính kèm)

Điều 3. Tổ chức thực hiện.

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản căn cứ các nội dung tại Thông tư số 23/2023/TT-BTC và nội dung quy định tại Quyết định này thực hiện việc ghi sổ kế toán, hạch toán, theo dõi và quản lý tài sản theo đúng quy định.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc; các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về UBND tỉnh (qua Sở Tài chính) để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Sở Tài chính có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra việc tổ chức thực hiện Quyết định này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/01/2024 và thay thế Quyết định số 33/2016/QĐ-UBND ngày 04/8/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bắc Ninh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành; đơn vị sự nghiệp công lập; Chủ tịch UBND cấp huyện; các doanh nghiệp nhà nước và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. / *Hiệu*

Nơi nhận: ✓

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính (b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- TTTU, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh, UB MTTQ tỉnh và các Đoàn thể nhân dân tỉnh;
- Các Ban, cơ quan thuộc Tỉnh ủy;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- Các Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Các chuyên viên và các phòng chuyên môn Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu VT, KTTH.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



[Signature]
Ngô Tân Phụng



UBND TỈNH BẮC NINH

Phụ lục số 01

QUY ĐỊNH DANH MỤC TÀI SẢN CỔ ĐỊNH ĐẶC THÙ

(Kèm theo Quyết định số 33/2023/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

STT	Danh mục
I	Lăng tẩm, di tích được xếp hạng (cấp Quốc gia đặc biệt, cấp Quốc gia và cấp tỉnh)
1	Lăng tẩm, di tích lịch sử
2	Di tích kiến trúc nghệ thuật
3	Di tích khảo cổ
4	Danh lam thắng cảnh
II	Các cổ vật, hiện vật trưng bày, lưu trữ trong bảo tàng, các cơ sở do cơ quan, đơn vị nhà nước quản lý
1	Chất liệu kim loại (đồng, nhôm, sắt ...)
2	Chất liệu gốm, đất nung, sành, sứ, thủy tinh
3	Chất liệu gỗ
4	Chất liệu giấy
5	Chất liệu xương, ngà
6	Chất liệu đá
7	Chất liệu vải
8	Chất liệu da
9	Chất liệu mây, tre
10	Chất liệu nhựa
11	Phim, ảnh
12	Cổ vật, hiện vật khác
III	Thương hiệu của đơn vị sự nghiệp công lập
IV	Tài sản cổ định đặc thù khác

**QUY ĐỊNH DANH MỤC, THỜI GIAN TÍNH HAO MÒN
VÀ TỶ LỆ HAO MÒN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

*(Kèm theo Quyết định số: 29/2023/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 của
UBND tỉnh Bắc Ninh)*

STT	Danh mục	Thời gian tính hao mòn (năm)	Tỷ lệ hao mòn (% năm)
I	Quyền tác giả		
1	Tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học	25	4
2	Quyền tác giả khác	25	4
3	Tài liệu giáo dục địa phương	25	4
II	Quyền sở hữu công nghiệp		
1	Bằng phát minh, sáng chế	25	4
2	Bản quyền phần mềm máy tính	25	4
III	Quyền đối với giống cây trồng		
1	Bằng bảo hộ giống cây thân gỗ và cây leo thân gỗ	25	4
2	Bằng bảo hộ giống cây trồng khác	25	4
IV	Phần mềm ứng dụng		
1	Nhóm phần mềm hệ thống	5	20
2	Nhóm phần mềm ứng dụng	5	20
3	Nhóm phần mềm công cụ	5	20
4	Nhóm phần mềm tiện ích	5	20
5	Phần mềm khác	5	20
V	Tài sản cố định vô hình khác (trừ quyền sử dụng đất)	5	20

Ghi chú: Danh mục Phần mềm ứng dụng được thực hiện theo Thông tư số 09/2013/TT-BTTTT ngày 08/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành danh mục sản phẩm phần mềm và phần cứng, điện tử (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 20/2021/TT-BTTTT ngày 03 tháng 12 năm 2021).